

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HS-ST

Ngày 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Bách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Bà Lầu Thị Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối bị cáo:

Vàng A T sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; tại xã Lũng Cáo, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Nơi thường trú: Bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; Thẻ CCCD: 011082006250; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A L sinh năm 1944 (đã chết) và con bà Lý Thị S sinh năm 1944; Có vợ: Giàng Thị S sinh năm 1980; Có 05 con lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo Vàng A T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2024 sau đó bỏ trốn nên đã bị truy nã đến ngày 20 tháng 10 năm 2024 bị bắt tạm giữ đến ngày 22 tháng 10 năm 2024 bị bắt tạm giam đến nay, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Đại diện UBND xã là Ông Hờ A Lù Chủ tịch UBND, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ. Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ. Về cử đại diện tham gia tố tụng bà Lò Thị Thu Hiền Phó chủ tịch UBND. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lường Văn Bình. Sinh năm 1986. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện cho cộng đồng bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ,

tỉnh Điện Biên.

Anh Vàng A Sang. Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1979. Vắng mặt

Nơi cư trú: Bản Vàng Léch, xã Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T: Bà Nguyễn Thị Lan trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2024 bị cáo Vàng A T cầm theo 01 (một) con dao quắm (loại dao phát) một mình từ nhà ở bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên lên khu vực rừng thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, được quy hoạch là rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ – UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, hiện đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, quản lý, bảo vệ. Mục đích chặt phá rừng lấy đất làm nương. Trước khi chặt phá bị cáo Vàng A T không hỏi các cấp chính quyền địa phương. Bị cáo Vàng A Tùng đã dùng dao quắm để chặt phá rừng sau 03 (ba) ngày thì chặt phá xong đám rừng.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đếm diện tích rừng bị chặt phá. Khu rừng bị cáo Vàng A Tùng chặt phá thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10, loại rừng sản xuất. Diện tích bị cáo Vàng A T chặt phá là $9.825,74m^2$, diện tích rừng trên do cộng đồng bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý bảo vệ.

Tại kết luận số 15/KL - GD ngày 28/04/2024 của giám định viên Tư pháp thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: Diện tích rừng bị phá có diện tích là $9.825,74m^2$ đã được giao cho cộng đồng bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên quản lý bảo vệ. Kết luận trạng thái khu rừng bị chặt phá: Vị trí đám rừng bị phá nằm trong Tiểu khu 441, khoảnh 10 nêu trên là rừng tự nhiên, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt (ký hiệu TXK).

Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL - HĐĐGTS ngày 26 tháng 4 năm 2024 kết luận: Khối lượng $17.559m^3$ gỗ tròn các loại nhóm VIII có giá 26.338.500 đồng. Khối lượng $7.762m^3$ củi tận thu có giá 1.164.300 đồng. Dịch vụ bảo vệ môi trường rừng là $9.825,74m^2$ rừng sản xuất thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 số tiền là 999.628 đồng. Tổng tài sản định giá là 28.502.428 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm không hai nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*).

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSNP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ đã truy tố Vàng A T để xét xử về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243;

Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Vàng A T từ **04** (bốn) năm đến **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS đối với bị cáo; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về rừng cho Nhà nước. Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Áp dụng Nghị Quyết 326 của UBTVQH khoá 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn toàn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm cho bị cáo.

Bà Lò Thị Thu Hiền đại diện UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ trình bày như sau: Khu rừng mà bị cáo Vàng A T chặt phá ngày 19 tháng 3 năm 2024 Cơ quan chức năng đến xác định tại hiện trường diện tích là 9.825,74m². Diện tích rừng trên do cộng đồng dân cư bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý và bảo vệ. Tổng tài sản định giá là 28.502.428 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm không hai nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*). Do đó buộc bị cáo Vàng A T phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước theo quy định.

Anh Lương Văn Bình trình bày và các tài liệu đã thu thập được như sau: Ngày 19 tháng 3 năm 2024 Tổ công tác tiến hành đo đếm diện tích rừng bị chặt phá. Khu rừng mà bị cáo Vàng A T chặt phá thuộc; Tiểu khu 441, khoảnh 10, loại rừng sản xuất. Tổng diện tích xác định bị cáo Vàng A T chặt phá là 9.825,74m² diện tích rừng trên do cộng đồng dân cư bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý và bảo vệ. Tôi đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm tuyên truyền công tác bảo vệ rừng cho nhân dân.

Anh Vàng A Sang trình bày và các tài liệu đã thu thập được như sau: Khu rừng bị chặt phá xảy ra tiểu khu 441, khoảnh 10 là rừng sản xuất đã được giao cho bản Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý bảo vệ. Khu rừng bị phá tôi không biết sau này tôi mới biết là ông Vàng A T ở bản Huổi Tang, xã Nậm Tin chặt phá. Tôi đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm tuyên truyền công tác bảo vệ rừng cho nhân dân.

Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo dẫn đến nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo Vàng A T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại 10.000.000 đồng cho Nhà nước. Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xem xét xử phạt cho bị cáo Vàng A T mức hình phạt thấp nhất đề nghị của Viện kiểm sát; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; không áp dụng khoản 4 Điều 243 BLHS về hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326 của UBTVQH khoá 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí với nội dung truy tố trong Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Vàng A T nhất trí với lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung; không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội bị cáo thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng đã có đủ cơ sở để khẳng định. Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2024 bị cáo Vàng A T cầm theo 01 (một) con dao quắm (loại dao phát) một mình từ nhà ở bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên lên khu vực rừng thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, được quy hoạch là rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ – UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, hiện đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, quản lý, bảo vệ. Mục đích chặt phá rừng lấy đất làm nương. Trước khi chặt phá bị cáo Vàng A T không hỏi các cấp chính quyền địa phương. Bị cáo Vàng A T đã dùng dao quắm để chặt phá rừng sau 03 (ba) ngày thì chặt phá xong đám rừng.

Bị cáo Vàng A T đã thực hiện hành vi chặt phá rừng, công cụ sử dụng là 01 (một) con dao quắm để chặt phá rừng sau 03 (ba) ngày thì chặt phá xong đám rừng đã gây thiệt hại về rừng với diện tích là 9.825,74m². Tổng tài sản định giá là 28.502.428 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm không hai nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*). Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vàng A Tùng đã phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại b khoản 1 Điều 243 BLHS. “*Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”.

Điểm b; Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

Việc VKSND huyện Nậm Pồ truy tố bị cáo Vàng A T về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Vàng A T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là

10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vàng A T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của BLHS.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo thấy: Đây là vụ án nghiêm trọng về hủy hoại rừng, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ rừng, gây những tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, cản trở tới việc thực hiện các chính sách kinh tế. Do vậy cần xử lý bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Vàng A T từ **04** (bốn) năm đến **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không cần xem xét xử phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS có căn cứ nên được áp dụng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy chưa phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội do đó HĐXX không chấp nhận.

Xét về lời trình bày của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. HĐXX xử xét thấy cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ”. Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo Vàng A T phải bồi thường số tiền là: 28.502.428 đồng. HĐXX xét thấy ghi nhận bị cáo Vàng A Tùng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản rừng cho Nhà nước số tiền là 10.000.000 đồng đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Buộc bị cáo Vàng A T phải bồi thường tiếp số tiền là 18.502.428 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao dài 40cm, chiều rộng nhỏ nhất 4,5cm chiều rộng lớn nhất 7,5cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, đường kính 03cm mà Vàng A T sử dụng để

chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng.

Đối với toàn bộ sản lượng gỗ, củi tận thu ở hiện trường tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ có khối lượng là 17.559m³ và khối lượng 7.762m³ củi tận thu do chi phí vận chuyển về bảo quản vượt quá giá trị bán đầu giá. Hạt kiểm lâm huyện Nậm Pồ đã giao cho UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý bảo vệ và cho tự phân hủy để cải tạo đất rừng.

[7] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Gia đình bị cáo Vàng A T có giấy chứng nhận hộ nghèo do UBND xã cấp. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; HĐXX quyết định cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không khiếu nại hoặc ý kiến gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Áp dụng Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vàng A T: **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tạm giữ ngày 20 tháng 10 năm 2024.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo Vàng A T phải bồi thường số tiền là: 28.502.428 đồng. Ghi nhận bị cáo Vàng A T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản rừng cho Nhà nước số tiền là 10.000.000 đồng đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Buộc bị cáo Vàng A T phải bồi thường tiếp số tiền là 18.502.428 đồng (Mười tám triệu năm trăm không hai nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao dài 40cm, chiều rộng nhỏ nhất 4,5cm chiều rộng lớn nhất 7,5cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, đường kính 03cm mà Vàng A T sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa Công an huyện Nậm Pồ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Vàng A T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 02 năm 2025).

Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án; quyết định của Tòa án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng TTKT-THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Nậm Pồ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan ĐT Công an huyện Nậm Pồ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Pồ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Nậm Pồ;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Nậm Pồ;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- UBND xã Nậm Tin;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Nậm Pồ;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Bách

